

Số: 30/CV - KSCK

V/v ; Giải trình chênh lệch KQSXKD năm 2021

Sau kiểm toán của MIM

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí (MIMECO) mã chứng khoán MIM xin giải trình chênh lệch lợi nhuận trước thuế năm 2021 trước và sau kiểm toán như sau:

Sau khi lập, nộp báo cáo tài chính quý 4 năm 2021, Công ty đã rà soát lại chi phí, đã trích bổ sung giá vốn hàng bán là 90.510.346 đ, trích bổ sung dự phòng nợ phải thu khó đòi vào chi phí quản lý năm 2021 số tiền là 46.294.678 đ, giảm tiền chậm nộp thuế là 3.623.542 đ. Việc trích bổ sung trên đã làm lợi nhuận trước thuế 2021 chưa kiểm toán từ 7.241.371.484 đ giảm còn 7.108.190.002 đ, tương ứng giảm là 133.181.482 đ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban Kiểm Soát
- Lưu TC – KT, VP



Tăng Nguyên Ngọc

Số:08/CV - KSCK

V/v: Giải trình KQSXKD năm 2021
so với năm 2020 của MIM

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của tổ chức niêm yết theo quy định tại thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí (MIMECO) mã chứng khoán MIM xin giải trình chênh lệch doanh thu, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020 như sau:

Về doanh thu và doanh thu thuần: Doanh thu năm 2021 là 154.430.032.200 đ, cùng kỳ 2020 là 81.980.734.689 đ, tăng 72.449.297.511 đ tương ứng tăng 88,4%. Doanh thu năm 2021 tăng là do hiện nay sức hấp thụ của thị trường đối với sản phẩm Fero Mangan đã tăng và giá bán đã cao hơn so với cùng kỳ. Về doanh thu thuần, do doanh thu tăng nhưng các khoản giảm trừ doanh thu năm 2021 không phát sinh đã làm doanh thu thuần trong kỳ tăng tương ứng.

Năm 2021 lợi nhuận sau thuế lãi 6.875.970.459 đồng, cùng kỳ năm 2020 lỗ 5.451.672.105 đồng, năm 2021 lãi tăng so với cùng kỳ là 12.327.642.564 đ. Năm 2021 lãi tăng là do các yếu tố sau:

- Do doanh thu năm 2021 tăng đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Giá thành sản xuất năm 2021 thấp hơn giá thành sản xuất 2020 và giá bán sản phẩm trong năm 2021 cao hơn năm 2020.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban Kiểm Soát
- Lưu TC – KT, VP

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng Nguyên Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Được soát xét bởi:

È

È

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3974 5081/82 Fax: (024) 3974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>	06 - 09
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp</i>	11 - 12
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp</i>	13 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí ("gọi tắt là Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Khái quát

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí tiền thân là Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mở thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ/TCNSDT ngày 20/05/1993, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 138/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 22/11/2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 09/07/2019. Theo đó:

- Vốn điều lệ: **34.098.600.000 đồng (Ba mươi tư tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Nghiên cứu ứng dụng khoa học ngành mỏ; Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán sắt thép phế liệu, phế liệu kim loại màu, rác phế liệu, đồ phế thải, rác thải, đồng nát; Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu; Mua bán kim loại; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng; Mua bán thiết bị, linh kiện, phụ tùng thay thế ngành điện, thiết bị điện lạnh, tin học; Dịch vụ vận tải; Mua bán ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, sản xuất phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật); Tư vấn thiết lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các dự án về khoáng sản và cơ khí; Tư vấn lập đề án, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, các loại hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty đăng ký kinh doanh; Dịch vụ thương mại; Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm); Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty đặt tại: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|------------------------|------------|
| - Ông Tăng Nguyên Ngọc | Chủ tịch |
| - Bà Nguyễn Thị Mai | Thành viên |
| - Ông Tăng Văn Hải | Thành viên |
| - Ông Tăng Minh Hà | Thành viên |
| - Bà Trần Thị Liên An | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | |
|------------------------|-------------------|
| - Ông Tăng Nguyên Ngọc | Tổng Giám đốc |
| - Ông Trần Quốc Đệ | Phó Tổng Giám đốc |
| - Bà Trần Thị Liên An | Kế toán trưởng |

Ban Kiểm soát

- | | |
|------------------------|------------|
| - Ông Nguyễn Đình Biên | Trưởng ban |
| - Ông Lê Chi Lăng | Thành viên |
| - Ông Phạm Hữu Thu | Thành viên |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này là ông Tăng Nguyên Ngọc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết, đánh giá và tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn luôn tiếp tục mà không bị gián đoạn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm và cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các Quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Tăng Nguyên Ngọc
Tăng Giám đốc



Số: 91/2022/BCKT/BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí*

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí, được lập ngày 29/03/2022, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đơn vị

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính tổng hợp đến thuyết minh VII.9 Trang 36 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp thông tin về khả năng hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí như sau: Tiếp theo Quyết định số 6967/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2021, thông báo số 6631/CTHN-QLN ngày 01 tháng 03 năm 2022, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 7694/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2022 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Nguyên nhân là do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 121 ngày tại thông báo nợ thuế, tiền chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 09/03/2022. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp nhà nước khoảng hơn 9 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế, tiền bảo hiểm xã hội và tiền chậm nộp bảo hiểm như thuyết minh V.16 trang 28 khoảng hơn 3 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định. Mặt khác, quyền khai thác quặng Mangan mỏ Làng Bài tại chi nhánh Tuyên Quang đã hết hạn được phép khai thác từ cuối tháng 02 năm 2013. Công ty đã gửi công văn lên Tổng cục Địa chất và Khoáng sản xin được tiếp tục đầu tư khai thác mỏ Làng Bài, làm thủ tục đóng mỏ theo giấy phép khai thác cũ và đang hoàn thiện hồ sơ để xin được cấp phép tiếp tục khai thác mỏ Làng Bài theo nhưng chưa nhận được ý kiến trả lời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn luôn tiếp tục mà không bị gián đoạn ít nhất là trong vòng 12 tháng tới. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết sẽ đảm bảo cho Công ty vẫn hoạt động liên tục ít nhất là trong vòng 12 tháng tới.

Vấn đề khác

Trong năm 2021, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, Công ty chưa thể tổ chức Đại hội cổ đông thường niên. Điều này có thể ảnh hưởng tới quyền lợi của các cổ đông.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI (CPA HANOI)

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Gấm

Giấy CNDKHNKT số: 1082-2018-016-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Giấy CNDKHNKT số: 1695-2018-016-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.404.853.075	83.872.609.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	790.859.900	947.746.891
1. Tiền	111		790.859.900	947.746.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.574.541.960	22.359.265.771
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	17.909.316.199	12.806.923.281
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.497.821.612	8.882.750.717
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	7.779.961.343	2.235.854.289
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.612.557.194)	(1.566.262.516)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	48.438.344.515	57.099.933.762
1. Hàng tồn kho	141		48.438.344.515	57.099.933.762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.601.106.700	3.465.663.515
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	1.180.491.667	731.384.832
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.7	2.420.615.033	2.734.278.683
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		44.681.525.202	24.217.698.012
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		777.548.990	777.548.990
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	777.548.990	777.548.990
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.104.910.825	20.168.789.655
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	33.104.910.825	20.168.789.655
- Nguyên giá	222		87.482.489.956	76.181.273.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.377.579.131)	(56.012.483.965)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.053.042.710	2.518.379.680
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	3.053.042.710	2.518.379.680
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.746.022.677	752.979.687
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	7.746.022.677	752.979.687
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		124.086.378.277	108.090.307.951

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		95.722.649.820	86.602.549.953
I. Nợ ngắn hạn	310		95.644.452.414	86.524.352.547
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	24.571.236.564	9.356.063.031
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.114.338.978	3.304.998.978
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	16.816.781.530	19.073.838.177
4. Phải trả người lao động	314		1.885.210.588	1.455.234.561
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	28.352.084	38.527.084
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	571.236.361	1.195.072.727
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	11.970.796.309	16.669.617.989
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	33.686.500.000	35.431.000.000
II. Nợ dài hạn	330		78.197.406	78.197.406
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	78.197.406	78.197.406
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.363.728.457	21.487.757.998
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	28.363.728.457	21.487.757.998
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.098.600.000	34.098.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.098.600.000	34.098.600.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(5.734.871.543)	(12.610.842.002)
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(12.610.842.002)	(7.159.169.897)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.875.970.459	(5.451.672.105)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		124.086.378.277	108.090.307.951

Người lập biểu



Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng



Trần Thị Liên An



Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Tăng Nguyên Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	154.430.032.200	81.980.734.689
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.2	154.430.032.200	81.980.734.689
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	142.000.177.828	80.161.703.373
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.429.854.372	1.819.031.316
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.152.873	653.027
7.	Chi phí tài chính	22	VI.5	3.614.834.995	3.732.239.411
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.614.834.995	3.732.239.411
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.6	199.420.000	35.381.273
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.646.173.337	2.691.242.230
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.970.578.913	(4.639.178.571)
11.	Thu nhập khác	31	VI.7	3.113.947.181	724.600.242
12.	Chi phí khác	32	VI.8	1.976.336.092	1.537.093.776
13.	Lợi nhuận khác	40		1.137.611.089	(812.493.534)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.108.190.002	(5.451.672.105)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	232.219.543	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.875.970.459	(5.451.672.105)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.016	(1.599)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.016	(1.599)

Người lập biểu



Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng



Trần Thị Liên An

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Tăng Nguyên Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP(Theo phương pháp gián tiếp)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.108.190.002	(5.451.672.105)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐS ĐT	02	(1.634.904.835)	2.487.162.085
- Các khoản dự phòng	03	46.294.678	-
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.152.873)	(653.027)
- Chi phí lãi vay	06	3.614.834.995	3.732.239.411
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.133.261.967	767.076.364
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(5.927.907.217)	10.211.205.309
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	8.661.589.247	(12.126.613.071)
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.642.555.324	2.184.600.302
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(7.442.149.825)	2.886.075.317
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.614.834.995)	(3.738.856.078)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.000.000)	(20.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(27.803.491)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.432.514.501	135.684.652
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.826.054.365)	(1.170.000.000)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.980.000.000	517.000.000
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.152.873	653.027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.844.901.492)	(652.346.973)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ đi vay	33	60.068.853.000	64.383.920.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(61.813.353.000)	(62.373.920.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.022.958.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.744.500.000)	987.042.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(156.886.991)	470.379.679
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	947.746.891	477.367.212
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	790.859.900	947.746.891

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng

Trần Thị Liên An

i



Tổng Giám đốc

Tăng Nguyên Ngọc

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí tiền thân là Công ty Khoáng chất Công nghiệp và Cơ khí mỏ thuộc Tổng Công ty Khoáng sản Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ/TCNSDT ngày 20/05/1993, Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 138/2004/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ngày 22/11/2004. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28/06/2005, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 09/07/2019. Theo đó:

Vốn điều lệ: **34.098.600.000 đồng** (*Ba mươi tư tỷ, không trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Trụ sở chính của Văn phòng Công ty đặt tại: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là khai thác và chế biến quặng kim loại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Nghiên cứu ứng dụng khoa học ngành mỏ; Tư vấn đầu tư và xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán sắt thép phế liệu, phế liệu kim loại màu, rác phế liệu, đồ phế thải, rác thải, đồng nát; Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu; Mua bán kim loại; Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng; Mua bán thiết bị, linh kiện, phụ tùng thay thế ngành điện, thiết bị điện lạnh, tin học; Dịch vụ vận tải; Mua bán ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, sản xuất phục vụ cho ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật); Tư vấn thiết lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các dự án về khoáng sản và cơ khí; Tư vấn lập đề án, tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến các loại khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); Khoan, thăm dò, điều tra khảo sát, các loại hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty đăng ký kinh doanh; Dịch vụ thương mại; Sản xuất, mua bán các sản phẩm cơ khí; Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm); Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty có 04 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí: Nhà máy Hợp kim sắt MIMECO - Tuyên Quang, địa chỉ: Lô C2, khu công nghiệp Long Bình An, phường Đội Cấn, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

- Chi nhánh MIMECO Hà Nam, địa chỉ: Thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí - Nhà máy Cơ khí 2 MIMECO, địa chỉ: Đường Trần Phú, tổ 08, phường Trung Nhị, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí - Mỏ MANGAN MIMECO Tuyên Quang, địa chỉ: Thông Phia Lài, xã Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp:

Trong kỳ Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

7. Nhân viên

Tổng số công nhân viên và người lao động ký hợp đồng có thời hạn tại ngày 31/12/2021: 95 người.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

1.1 Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

1.2 Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a, Chứng khoán kinh doanh: Không phát sinh

b, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn

c, Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các Báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	05 - 25
- Máy móc thiết bị	05 - 15	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04	04
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	Hết khấu hao	Hết khấu hao
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 - 25	10 - 25

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thực tế nhận nợ tại thời điểm lập báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch đã thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;

- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh,
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp (ĐVT: đồng)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	620.874.517	440.421.956
Tiền gửi Ngân hàng	169.985.383	507.324.935
Cộng	790.859.900	947.746.891
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng</i>	<i>7.850.791.656</i>	<i>10.333.206.656</i>
Công ty TNHH Minh Lương Thái Nguyên	6.505.189.156	8.987.604.156
Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	1.345.602.500	1.345.602.500
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	<i>10.058.524.543</i>	<i>2.473.716.625</i>
Cộng	17.909.316.199	12.806.923.281
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi tiết các khoản trả trước người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng trả trước người bán</i>	<i>1.957.548.600</i>	<i>8.159.797.900</i>
Cty TNHH TM Xây dựng Thanh Thảo	927.048.600	-
Công ty Tùng Phương	-	3.243.582.900
Công ty TNHH Bảo Minh	-	4.916.215.000
Công ty Thành Thảo	830.500.000	-
Công ty tư vấn triển khai CN&XD mỏ địa chất	200.000.000	-
<i>Các khoản trả trước cho người bán khác</i>	<i>540.278.012</i>	<i>722.952.817</i>
Cộng	2.497.821.612	8.882.750.717

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
6. Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	31.150.192.742	-	17.376.605.831	-
Công cụ, dụng cụ	296.231.984	-	278.316.555	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.960.379.224	-	1.960.379.224	-
Thành phẩm	14.792.749.279	-	37.232.323.426	-
Hàng hóa	238.791.286	-	252.308.726	-
Cộng	48.438.344.515	-	57.099.933.762	-
7. Thuế GTGT được khấu trừ		Số cuối năm		Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ		2.420.615.033		2.734.278.683
Cộng		2.420.615.033		2.734.278.683

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁNG SÂN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Tổng cộng
Nhà cửa, vật kiến trúc							
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác		
Nguyên giá TSCĐ hữu hình							
<i>Số dư đầu năm</i>	32.842.613.989	30.918.494.676	7.083.871.347	46.703.182	5.289.590.426	76.181.273.620	
- Mua trong năm	10.550.000.000	6.150.000.000	-	-	-	16.700.000.000	
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	1.226.984.027	2.083.988.090	2.087.811.547	-	-	5.398.783.664	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	42.165.629.962	34.984.506.586	4.996.059.800	46.703.182	5.289.590.426	87.482.489.956	
Giá trị hao mòn lũy kế							
<i>Số dư đầu năm</i>	16.003.427.275	30.664.430.202	6.909.843.222	46.703.182	2.388.080.084	56.012.483.965	
- Khấu hao trong năm	2.236.896.576	994.964.575	109.910.900	-	280.817.802	3.622.589.853	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
- Thanh lý, nhượng bán	1.085.695.050	2.083.988.090	2.087.811.547	-	-	5.257.494.687	
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm	17.154.628.801	29.575.406.687	4.931.942.575	46.703.182	2.668.897.886	54.377.579.131	
Giá trị còn lại							
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	16.839.186.714	254.064.474	174.028.125	-	2.901.510.342	20.168.789.655	
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	25.011.001.161	5.409.099.899	64.117.225	-	2.620.692.540	33.104.910.825	

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2021: 26.694.206.587 đồng
Tại thời điểm 31/12/2021: TSCĐ hữu hình của Công ty đã được phân loại lại phù hợp với bảng theo dõi TSCĐ của Công ty.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đường Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
9. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang				
Xây dựng mở rộng mỏ Mangan Làng Bài (mỏ Nà Pét)	1.187.022.728	1.187.022.728	1.187.022.728	1.187.022.728
Mỏ Minh Đức Tuyên Quang	272.727.273	272.727.273	272.727.273	272.727.273
Nhà kho TP (Cơ khí 2)	25.447.479	25.447.479	-	-
Nhà Văn phòng NM (Cơ khí 2)	230.000.000	230.000.000	-	-
Vách ngăn xưởng sản xuất (Cơ khí 2)	31.741.900	31.741.900	31.741.900	31.741.900
Sân bê tông NM (Cơ khí 2)	56.880.125	56.880.125	-	-
Công NM (Cơ khí 2)	39.319.875	39.319.875	-	-
Nhà kho số 1 (Cơ khí 2)	27.594.772	27.594.772	-	-
Nhà kho số 2 (Cơ khí 2)	27.594.771	27.594.771	-	-
Kho chứa vật tư (Cơ khí 2)	21.017.432	21.017.432	-	-
Nhà bảo vệ (Cơ khí 2)	19.948.735	19.948.735	-	-
Nhà vệ sinh (Cơ khí 2)	56.950.000	56.950.000	-	-
Sửa mái nhà xưởng NM (Cơ khí 2)	29.909.841	29.909.841	-	-
Tường rào (Nhà máy Hợp kim sắt)	310.000.000	310.000.000	310.000.000	310.000.000
Đường soán (Nhà máy Hợp kim sắt)	238.872.940	238.872.940	238.872.940	238.872.940
Nhà kho (Nhà máy Hợp kim sắt)	63.053.919	63.053.919	63.053.919	63.053.919
Đường điện văn phòng (Nhà máy Hợp kim sắt)	69.016.000	69.016.000	69.016.000	69.016.000
Sân chứa liệu (Nhà máy Hợp kim sắt)	214.868.400	214.868.400	214.868.400	214.868.400
Nền nhà sản gia công sản phẩm (Nhà máy Hợp kim sắt)	40.125.300	40.125.300	40.125.300	40.125.300
Sân nhà sản gia công sản phẩm (Nhà máy Hợp kim sắt)	33.042.720	33.042.720	33.042.720	33.042.720
Mua sắm TSCĐ (Nhà máy Hợp kim sắt)	57.908.500	57.908.500	57.908.500	57.908.500
Cộng	3.053.042.710	3.053.042.710	2.518.379.680	2.518.379.680

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm	Số đầu năm
10. Chi phí trả trước		
<i>a. Ngắn hạn</i>	1.180.491.667	731.384.832
Phân bổ công cụ, dụng cụ	1.180.491.667	731.384.832
<i>b. Dài hạn</i>	7.746.022.677	752.979.687
Phân bổ công cụ, dụng cụ	7.746.022.677	752.979.687
Cộng	8.926.514.344	1.484.364.519
11. Phải trả người bán ngắn hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
	Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
Chi tiết các khoản phải trả người bán chiếm 10% trở lên trên tổng số phải trả người bán		
Doanh nghiệp Tư nhân Trung Thành	13.526.305.110	3.330.042.372
Công ty TNHH Long Phát	2.069.542.362	2.069.542.362
Công ty Điện lực Tuyên Quang	10.077.745.940	-
Công ty TNHH Hà Linh	1.379.016.808	1.260.500.010
Phải trả người bán khác	4.700.000.000	-
	11.044.931.454	6.026.020.659
Cộng	24.571.236.564	9.356.063.031

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm	Số đầu năm
12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước chiếm 10% trở lên trên tổng số người mua trả trước	5.309.340.000	2.400.000.000
Công ty Cổ phần Thép và Khoáng sản Kinh đô	5.309.340.000	2.400.000.000
Người mua trả trước khác	804.998.978	904.998.978
Cộng	6.114.338.978	3.304.998.978

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp ^{***}	2.113.881.552	850.931.103	761.739.300	2.203.073.355
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.459.316.441	232.219.543	20.000.000	3.671.535.984
Thuế thu nhập cá nhân	172.971.869	80.567.907	5.539.261	248.000.515
Thuế tài nguyên	3.552.941.920	4.444.200	4.444.200	3.552.941.920
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.582.136.558	644.933.278	3.195.283.278	31.786.558
Các loại thuế khác	7.192.589.837	685.283.739	768.430.378	7.109.443.198
Cộng	19.073.838.177	2.498.379.770	4.755.436.417	16.816.781.530

Ghi chú: Tiếp theo Quyết định số 6967/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2021, thông báo số 6631/CTHN-QLN ngày 01 tháng 03 năm 2022, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 7694/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2022 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Nguyên nhân là do Văn phòng Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 121 ngày tại thông báo nợ thuế, tiền chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 09/03/2022. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp nhà nước khoảng hơn 9 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	28.352.084	38.527.084
Cộng	28.352.084	38.527.084

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số cuối năm		Số đầu năm	
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn					
Cho thuê mặt bằng		571.236.361		1.195.072.727	
Cộng		571.236.361		1.195.072.727	
16. Phải trả khác					
a. Ngắn hạn					
Kinh phí công đoàn		11.970.796.309	11.970.796.309	16.669.617.989	16.669.617.989
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp (*)		454.333.800	454.333.800	337.556.477	337.556.477
Phải trả về cổ phần hóa		4.138.537.663	4.138.537.663	3.884.075.494	3.884.075.494
Các khoản phải trả phải nộp khác		70.100.000	70.100.000	70.100.000	70.100.000
Trần Thị Liên An tạm cho vay		7.307.824.846	7.307.824.846	12.377.886.018	12.377.886.018
Tăng Nguyễn Ngọc tạm cho vay		238.080.000	238.080.000	69.080.000	69.080.000
Tăng Minh Sơn tạm cho vay		1.053.985.150	1.053.985.150	3.151.985.150	3.151.985.150
Hoàng Quỳnh Giang tạm cho vay		1.645.700.000	1.645.700.000	1.645.700.000	1.645.700.000
Nguyễn Thị Bích Nhân		397.000.000	397.000.000	967.500.000	967.500.000
Phạt chậm nộp BHXH (*)		1.028.433.906	1.028.433.906	4.425.000.000	4.425.000.000
Tiền vật tư		522.655.331	522.655.331	1.001.982.663	1.001.982.663
Nguyễn Thị Thúy Lanh		250.000.000	250.000.000	450.345.571	450.345.571
Các khoản phải trả phải nộp khác		528.970.459	528.970.459	250.000.000	250.000.000
Dài hạn		78.197.406	78.197.406	78.197.406	78.197.406
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		78.197.406	78.197.406	78.197.406	78.197.406
Cộng		12.048.993.715	12.048.993.715	16.747.815.395	16.747.815.395

(*) Tiền bảo hiểm xã hội phải nộp đã quá hạn nộp theo quy định vì vậy nếu Công ty không nộp theo quy định sẽ ảnh hưởng đến các chế độ thanh toán và quyền lợi về bảo hiểm theo quy định.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
19. Vay và nợ thuê tài chính						
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	33.686.500.000	33.686.500.000	60.068.853.000	61.813.353.000	35.431.000.000	35.431.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội	25.096.000.000	25.096.000.000	55.931.853.000	59.781.853.000	28.946.000.000	28.946.000.000
Trần Thị Liên An	2.185.000.000	2.185.000.000	170.000.000	-	2.015.000.000	2.015.000.000
Tăng Nguyễn Ngọc	2.230.500.000	2.230.500.000	3.197.000.000	1.511.500.000	545.000.000	545.000.000
Nguyễn Bích Nhân	60.000.000	60.000.000	-	-	60.000.000	60.000.000
Vũ Thị Loan	850.000.000	850.000.000	650.000.000	270.000.000	470.000.000	470.000.000
Hoàng Thị Quỳnh Giang	250.000.000	250.000.000	-	50.000.000	300.000.000	300.000.000
Lương Quang Thanh	650.000.000	650.000.000	-	-	650.000.000	650.000.000
Nguyễn Thị Mai	545.000.000	545.000.000	-	-	545.000.000	545.000.000
Nguyễn Thị Xâm	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Nguyễn Thành Nho	200.000.000	200.000.000	-	-	200.000.000	200.000.000
Tăng Ngọc Vũ	420.000.000	420.000.000	120.000.000	-	300.000.000	300.000.000
Nguyễn Ngọc Lan Chi	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngô Thị Thanh	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Vũ Thị Hoa	-	-	-	200.000.000	200.000.000	200.000.000
Cộng	33.686.500.000	33.686.500.000	60.068.853.000	61.813.353.000	35.431.000.000	35.431.000.000

Chi tiết các khoản vay: (Thuyết minh VII.1.4; Tài sản đảm bảo).

Tài sản đảm bảo các khoản vay xem Thuyết minh số VII.1.4

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2020)	34.098.600.000	-	-	-	-	(6.136.211.897)	27.962.388.103
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(5.451.672.105)	(5.451.672.105)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.022.958.000)	(1.022.958.000)
Số dư cuối năm trước (31/12/2020)	34.098.600.000	-	-	-	-	(12.610.842.002)	21.487.757.998
Số dư đầu năm nay (01/01/2021)	34.098.600.000	-	-	-	-	(12.610.842.002)	21.487.757.998
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	6.875.970.459	6.875.970.459
Phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay (31/12/2021)	34.098.600.000	-	-	-	-	(5.734.871.543)	28.363.728.457

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Lâm Thị Thanh Hải	7,03%	2.398.600.000	2.398.600.000
Lê Thị Hà	5,90%	2.010.200.000	2.010.200.000
Nguyễn Thị Mai	5,71%	1.946.000.000	1.946.000.000
Nguyễn Xuân Tươi	6,45%	2.200.000.000	2.200.000.000
Phạm Hữu Thu	6,23%	2.123.710.000	2.123.710.000
Tăng Minh Sơn	9,36%	3.189.930.000	3.189.930.000
Tăng Nguyên Ngọc	25,28%	8.621.740.000	8.621.740.000
Các đối tượng khác	34,04%	11.608.420.000	11.608.420.000
Cộng	100%	34.098.600.000	34.098.600.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	34.098.600.000	34.098.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	34.098.600.000	34.098.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.022.958.000

d) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.409.860	3.409.860
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu phổ thông	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu phổ thông	3.409.860	3.409.860
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp (ĐVT: đồng)

1. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	154.430.032.200	81.980.734.689
Cộng	154.430.032.200	81.980.734.689

2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần bán hàng hóa	154.430.032.200	81.980.734.689
Cộng	154.430.032.200	81.980.734.689

3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	142.000.177.828	80.161.703.373
Cộng	142.000.177.828	80.161.703.373

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Năm nay	Năm trước
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.152.873	653.027
Cộng	1.152.873	653.027
5. Chi phí hoạt động tài chính		
Lãi tiền vay	3.614.834.995	3.732.239.411
Cộng	3.614.834.995	3.732.239.411
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	199.420.000	35.381.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.420.000	30.844.000
Chi phí bằng tiền khác	-	4.537.273
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	2.646.173.337	2.691.242.230
Chi phí nhân viên quản lý	1.766.077.453	1.711.059.951
Chi phí vật liệu quản lý	-	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.750.145	195.897.322
Chi phí khấu hao TSCĐ	145.087.227	193.451.236
Thuế, phí và lệ phí	30.404.512	30.404.512
Chi phí dự phòng	46.294.678	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.409.197	140.000.000
Chi phí bằng tiền khác	455.150.125	420.429.209
7. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	1.658.711.023	27.420.158
Cho thuê mặt bằng	623.836.366	642.436.364
Tiền chậm nộp được miễn	754.915.588	-
Thu nhập khác	76.484.204	54.743.720
Cộng	3.113.947.181	724.600.242
8. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm thanh toán tiền hàng (Hà Nam)	-	54.503.720
Khấu hao TSCĐ (Cơ khí 2)	167.849.450	279.378.271
Trả lương nhân viên (Cơ khí 2)	246.380.336	230.312.450
Trả tiền điện, nước, phân bổ chi phí	38.922.197	26.940.880
Phạt chậm nộp thuế, BHXH	1.432.221.766	945.722.971
Chi phí khác	90.962.343	235.484
Cộng	1.976.336.092	1.537.093.776

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍĐịa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận
Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.108.190.002	(5.451.672.105)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	(8.128.452.059)	1.311.895.989
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.753.487.871	1.311.895.989
+ Chi phí không được trừ	1.753.487.871	1.311.895.989
- Các khoản điều chỉnh giảm (Lỗ từ các năm trước chuyển sang)	(9.881.939.930)	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	(1.020.262.057)	(4.139.776.116)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	232.219.543	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	232.219.543	-
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	6.875.970.459	(5.451.672.105)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.875.970.459	(5.451.672.105)
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.409.860	3.409.860
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.016	(1.599)
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.900.985.308	35.388.236.284
Chi phí nhân công	6.293.030.663	7.280.595.548
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.248.105.944	2.487.162.085
Thuế, phí và lệ phí	55.983.010	284.344.902
Chi phí dự phòng	46.294.678	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.592.140.780	37.576.319.075
Chi phí bằng tiền khác	5.709.230.782	4.233.835.659
Cộng	144.845.771.165	87.250.493.553

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍĐịa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận
Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính tổng hợp**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Chủ tịch HĐQT
Bà Vũ Thị Hoa	Vợ Chủ tịch HĐQT
Bà Trần Thị Liên An	Thành viên HĐQT
Tăng Minh Sơn	Em trai của Chủ tịch HĐQT
Tăng Ngọc Vũ	Con trai của Chủ tịch HĐQT

Số dư và giao dịch với các bên liên quan

Thông tin giao dịch với các bên liên quan	Giao dịch	Năm nay
Ông Tăng Nguyên Ngọc		
	Công ty nhận tiền vay (PS Có TK 341)	3.197.000.000
	Công ty mượn tiền (PS Có TK 338)	1.511.500.000
	Công ty trả tiền mượn (PS Nợ TK 338)	12.198.000.000
	Văn phòng Công ty trả tiền mượn (PS Nợ TK 338)	14.661.000.000
	Văn phòng Công ty phải trả lãi vay (PS Nợ TK 635)	157.080.415
	Công ty đã trả lãi vay (PS Nợ TK 335)	149.226.396
Bà Vũ Thị Hoa		
	Công ty trả tiền vay (PS Nợ TK 341)	200.000.000
Bà Trần Thị Liên An		
	Công ty mượn tiền (PS Có TK 341)	170.000.000
	Công ty mượn tiền mượn (PS Có TK 338)	2.553.000.000
	Công ty trả tiền mượn (PS Nợ TK 338)	2.384.000.000
	Công ty phải trả lãi vay (PS Nợ TK 635)	317.602.083
	Công ty đã trả lãi vay (PS Nợ TK 335)	301.21.982

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Ông Tăng Ngọc Vũ

Văn phòng Công ty vay tiền (PS Có TK 341)	120.000.000
Văn phòng Công ty phải trả lãi vay (PS Nợ TK 635)	55.575.000
Văn phòng Công ty đã trả lãi vay (PS Nợ TK 335)	52.796.250
Văn phòng Công ty mượn tiền (PS Có TK 338)	120.000.000
Văn phòng Công ty trả tiền mượn (PS Nợ TK 338)	120.000.000

Số dư các bên liên quan 31/12/2021

	Nội dung	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		2.345.280.000
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Phải trả khác	261.500.000
Ông Tăng Minh Sơn	Phải trả khác	1.645.700.000
Bà Trần Thị Liên An	Phải trả khác	238.080.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (TK 341)		4.835.500.000
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Vay ngắn hạn	2.230.500.000
Bà Trần Thị Liên An	Vay ngắn hạn	2.185.000.000
Ông Tăng Ngọc Vũ	Vay ngắn hạn	420.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

		Năm nay
Thù lao Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (năm 2019) và lương Ban Tổng Giám đốc thực nhận:		165.043.600
Ông Tăng Nguyên Ngọc	Tổng Giám đốc	303.200.000
Ông Trần Quốc Đệ	Phó Tổng Giám đốc	127.815.000
Bà Trần Thị Liên An	Kế toán trưởng	187.522.000

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận
Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và khai thác quặng mỏ kim loại không phải là doanh nghiệp đa ngành nghề nên không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	790.859.900	-	947.746.891	-
Phải thu khách hàng	17.909.316.199	(1.612.557.194)	12.806.923.281	(1.566.262.516)
Trả trước cho người bán	2.497.821.612	-	8.882.750.717	-
Phải thu khác	8.557.510.333	-	3.013.403.279	-
Cộng	29.755.508.044	(1.612.557.194)	25.650.824.168	(1.566.262.516)
			Giá trị sổ sách	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán			24.571.236.564	9.356.063.031
Chi phí phải trả			28.352.084	38.527.084
Vay và nợ thuê tài chính			33.686.500.000	35.431.000.000
Các khoản phải trả khác			11.970.796.309	16.669.617.989
Cộng			70.256.884.957	61.495.208.104

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Tài sản đảm bảo

- Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1420-LAV-202100233 ngày 25/06/2021 với hạn mức tín dụng 30.000.000.000VNĐ (bao gồm cả dư nợ vay tại HĐTD hạn mức số 1420-LAV-202000240 ngày 24/06/2020) và các phụ lục đi kèm, mục đích: bổ sung vốn lưu động khai thác, sản xuất quặng, khoáng sản, đá..., thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đảm bảo tiền vay: 100% dư nợ có tài sản đảm bảo bằng Quyền thuê quyền sử dụng đất và Nhà cửa, vật kiến trúc, dây chuyền máy móc thiết bị đồng bộ nhà máy, tài sản cố định khác gắn liền với thửa đất tại địa chỉ Khu CN Long Bình An xã Đội Cấn TP Tuyên Quang tỉnh Tuyên Quang theo GCN quyền SD đất số BA 795530 do UBND tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 10/06/2010; Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Phố Thiên Sơn thị xã Thiên Tôn huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình theo GCN quyền SD đất nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 856542 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình cấp ngày 06/03/2020; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 27A/207 Trương Mỹ phường Phạm Ngũ Lão Tp. Hải Dương tỉnh Hải Dương GCN quyền SD đất số CV 312442 do UBND thành phố Hải Dương tỉnh Hải Dương cấp ngày 11/04/2020; Quyền sử dụng đất tại địa chỉ thị trấn Thiên Tôn huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình GCN quyền SD đất số 850210 do UBND huyện Hoa Lư tỉnh Ninh Bình cấp ngày 09/11/2010; Quyền sử dụng đất tại địa chỉ số 207 nhà K11A TT Bách Khoa phường Bách Khoa quận Hai Bà Trung Tp Hà Nội GCN quyền SD đất số AP 329811; 375.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí CSH ông Tăng Nguyên Ngọc; 26.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí CSH bà Trần Thị Liên An; 135.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí CSH bà Lê Thị Thanh Thảo; 400.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí CSH ông Tăng Nguyên Ngọc; 318.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Khoáng sản và Cơ khí CSH ông Tăng Minh Sơn.
- Vay ngắn hạn cá nhân theo các Hợp đồng vay vốn thời hạn tối đa 01 năm với mức lãi suất 15%/năm. Tài sản đảm bảo là tín chấp.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận
Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời gian đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm (31/12/2021)	70.256.884.957	-	70.256.884.957
Phải trả cho người bán	24.571.236.564	-	24.571.236.564
Chi phí phải trả	28.352.084	-	28.352.084
Vay và nợ thuê tài chính	33.686.500.000	-	33.686.500.000
Các khoản phải trả khác	11.970.796.309	-	11.970.796.309
Số đầu năm (01/01/2021)	61.495.208.104	-	61.495.208.104
Phải trả cho người bán	9.356.063.031	-	9.356.063.031
Chi phí phải trả	38.527.084	-	38.527.084
Vay và nợ thuê tài chính	35.431.000.000	-	35.431.000.000
Các khoản phải trả khác	16.669.617.989	-	16.669.617.989

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ CƠ KHÍ

Địa chỉ: Số 2 Đặng Thái Thân, phường Phan Chu Trinh, quận
Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính tổng hợp

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

9. Thông tin khác

Theo Khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 thi hành Luật Chứng Khoán Việt Nam 2019 - Công ty Đại chúng, Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc của 01 công ty đại chúng niêm yết. Do vậy, hiện tại ông Tăng Nguyên Ngọc giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty là chưa đúng quy định.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 có dấu hiệu và sự kiện ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty như sau:

Tiếp theo Quyết định số 6967/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2021, thông báo số 6631/CTHN-QLN ngày 01 tháng 03 năm 2022, Cục thuế thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 7694/QĐ-CTHN-QLN ngày 09 tháng 03 năm 2022 về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền nợ thuế và tiền chậm nộp. Nguyên nhân là do Công ty còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp thuế trên 121 ngày tại thông báo nợ thuế, tiền chậm nộp, thời hạn cưỡng chế 01 năm kể từ ngày 09/03/2022. Toàn bộ số thuế và các khoản phải nộp nhà nước khoảng hơn 9 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định về luật quản lý thuế, tiền bảo hiểm xã hội và tiền chậm nộp bảo hiểm như thuyết minh V.16 trang 28 khoảng hơn 3 tỷ đồng đã quá hạn nộp theo quy định. Mặt khác, quyền khai thác quặng Mangan mỏ Làng Bài tại chi nhánh Tuyên Quang đã hết hạn được phép khai thác từ cuối tháng 02 năm 2013. Công ty đã gửi công văn lên Tổng cục Địa chất và Khoáng sản xin được tiếp tục đầu tư khai thác mỏ Làng Bài, làm thủ tục đóng mỏ theo giấy phép khai thác cũ và đang hoàn thiện hồ sơ để xin được cấp phép tiếp tục khai thác mỏ Làng Bài theo nhưng chưa nhận được ý kiến trả lời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn luôn tiếp tục mà không bị gián đoạn ít nhất là trong vòng 12 tháng tới. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết sẽ đảm bảo cho Công ty vẫn hoạt động liên tục ít nhất là trong vòng 12 tháng tới.

Người lập biểu

Đặng Xuân Quân

Kế toán trưởng

Trần Thị Liên An



Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc

Tăng Nguyên Ngọc

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)